

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tổng thể Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ, giai đoạn 2026-2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 23 tháng 4 năm 2026;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Tiêu chí và Danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tổng thể Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ, giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi là Đề án) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Đổi mới toàn diện nền văn thư, lưu trữ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số; chuyển từ quản lý hồ sơ, tài liệu sang quản trị dữ liệu văn thư, lưu trữ trong môi trường số; xây dựng nền văn thư, lưu trữ hiện đại, thống nhất, dựa trên dữ liệu, phục vụ hiệu quả hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị.

2. Xây dựng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ là nền tảng số dùng chung của quốc gia trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu văn thư, lưu trữ trên phạm vi toàn quốc, tạo môi trường số thống nhất giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.

3. Xác định dữ liệu văn thư, lưu trữ là tài sản dữ liệu chiến lược quốc gia, được quản lý thống nhất theo toàn bộ vòng đời tài liệu; bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn, khả năng truy xuất nguồn gốc, giá trị pháp lý và khả năng sử dụng lâu dài; đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn, an ninh và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

4. Lấy dữ liệu làm trung tâm; quản trị dữ liệu theo nguyên tắc đúng - đủ - sạch - sống - toàn vẹn - duy nhất - thống nhất - tập trung - liên thông - dùng chung; bảo đảm dữ liệu được tạo lập một lần, quản lý xuyên suốt toàn bộ vòng đời, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng hiệu quả theo quy định của pháp luật, phục vụ quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu và phát triển các ứng dụng số.

5. Bảo đảm lưu trữ dự phòng và khả năng phục hồi đối với tài liệu lưu trữ quốc gia theo nguyên tắc nhiều lớp bảo vệ, đa dạng vật mang tin, đa địa điểm lưu giữ và không phụ thuộc vào một công nghệ, một hệ thống hoặc một nhà cung cấp duy nhất; kết hợp hài hòa giữa bảo quản truyền thống và lưu trữ số hiện đại, bảo vệ an toàn tài liệu lưu trữ và ký ức quốc gia trong mọi tình huống.

6. Đổi mới công tác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ; xác định tài liệu lưu trữ là nguồn tài nguyên dữ liệu, tri thức, văn hóa và lịch sử đặc biệt quan trọng của quốc gia; đẩy mạnh khai thác, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu gắn với ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới, phục vụ nghiên cứu, giáo dục, hoạch định chính sách, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số và góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế bền vững.

7. Đổi mới tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản trị dữ liệu và chuyển đổi số; hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế quản trị và

cơ chế phối hợp trong quản lý, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ, bảo đảm phục vụ trực tiếp, hiệu quả hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành, địa phương; phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực quản trị dữ liệu, làm chủ công nghệ số và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

8. Kế thừa, phát huy hiệu quả các hệ thống, dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và các kết quả chuyển đổi số đã được đầu tư; thực hiện đầu tư tập trung, quản trị thống nhất, khai thác dùng chung đối với Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; tránh đầu tư phân tán, trùng lặp, lãng phí, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực và phát triển bền vững.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Đổi mới toàn diện nền văn thư, lưu trữ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số; xây dựng nền văn thư, lưu trữ hiện đại, thống nhất, liên thông, an toàn và dựa trên dữ liệu; góp phần hình thành hạ tầng dữ liệu gốc của Nhà nước, nâng cao năng lực quản trị quốc gia, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm an ninh dữ liệu, chủ quyền số quốc gia và phát huy giá trị di sản tư liệu, ký ức quốc gia.

b) Xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ như một hạ tầng số dùng chung ở quy mô quốc gia, bảo đảm quản lý thống nhất dữ liệu văn thư, lưu trữ trong toàn bộ vòng đời tài liệu; kết nối, chia sẻ, tái sử dụng và khai thác hiệu quả dữ liệu trên phạm vi toàn quốc; tạo nền tảng cho việc đổi mới phương thức quản lý, bảo quản, khai thác và phát huy giá trị tài liệu trong môi trường số.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Hoàn thành công cuộc đổi mới toàn diện nền văn thư, lưu trữ

- Nền văn thư, lưu trữ được tổ chức thống nhất, vận hành chủ yếu trên môi trường số, quản lý xuyên suốt vòng đời tài liệu và dữ liệu.

- Thể chế, mô hình quản lý và tổ chức thực hiện công tác văn thư, lưu trữ được đổi mới theo hướng quản trị dữ liệu, thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Hoạt động văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu; phục vụ hiệu quả hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

b) Hình thành hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu quốc gia về văn thư, lưu trữ

- Xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ thống nhất, là hạ tầng số dùng chung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Hình thành hạ tầng dữ liệu văn thư, lưu trữ quốc gia bảo đảm dữ liệu văn thư, lưu trữ được quản lý tập trung, liên thông và cập nhật xuyên suốt trong toàn bộ vòng đời tài liệu

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam trở thành một trong những nguồn dữ liệu gốc quan trọng của Nhà nước.

- Bảo đảm dữ liệu văn thư, lưu trữ trên Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ được kết nối, chia sẻ và khai thác thống nhất với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số dùng chung

c) Xác lập và bảo vệ nguồn dữ liệu gốc, nguồn thông tin tin cậy của Nhà nước trong môi trường số

- Dữ liệu văn thư, lưu trữ trở thành nguồn dữ liệu gốc, nguồn thông tin tin cậy của Nhà nước; bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn, khả năng truy xuất, kiểm chứng và giá trị pháp lý trong toàn bộ vòng đời tài liệu.

- Bảo đảm Dữ liệu văn thư, lưu trữ được quản lý, bảo vệ thống nhất; đáp ứng yêu cầu về an toàn dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

- Nâng cao năng lực quản trị, kiểm soát và bảo vệ dữ liệu văn thư, lưu trữ; góp phần bảo đảm an ninh dữ liệu và chủ quyền số quốc gia.

- Khẳng định vai trò của văn thư, lưu trữ là nền tảng bảo đảm độ tin cậy của thông tin và dữ liệu phục vụ quản trị quốc gia trong môi trường số.

d) Bảo tồn ký ức quốc gia và nguồn thông tin lịch sử của Nhà nước

- Bảo đảm lưu giữ an toàn, lâu dài ký ức quốc gia, ký ức dân tộc và nguồn thông tin lịch sử của Nhà nước; bảo tồn các tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, pháp lý và di sản tư liệu quốc gia.

- Bảo đảm tính kế thừa, tính liên tục của nguồn thông tin lịch sử của Nhà nước; gìn giữ các giá trị lịch sử, văn hóa và thể chế của đất nước được phản ánh trong tài liệu lưu trữ, góp phần bảo vệ sự thật lịch sử cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

- Gìn giữ và bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa, thể chế và thành tựu phát triển của đất nước được phản ánh trong tài liệu lưu trữ; góp phần bảo vệ sự thật lịch sử; tăng cường nền tảng tri thức, bản sắc văn hóa và sức mạnh mềm quốc gia trong kỷ nguyên số.

đ) Bảo quản an toàn, bền vững tài liệu lưu trữ và từng bước hình thành hệ thống lưu trữ dự phòng quốc gia

- Tài liệu lưu trữ trên mọi loại hình vật mang tin được bảo quản an toàn, bền vững; duy trì tính xác thực, toàn vẹn, giá trị pháp lý, giá trị chứng cứ và khả năng khai thác lâu dài.

- Hệ thống bảo quản tài liệu lưu trữ được hiện đại hóa, kết hợp đồng bộ giữa bảo quản truyền thống và bảo quản số, đáp ứng yêu cầu lưu trữ lâu dài trong môi trường số.

- Hệ thống lưu trữ dự phòng quốc gia được triển khai theo mô hình đa tầng, đa vật mang tin và đa địa điểm; bảo đảm khả năng bảo toàn, phục hồi và khai thác dữ liệu trong mọi tình huống.

- Tăng cường năng lực bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh mạng, khả năng phục hồi sau sự cố, thiên tai, thảm họa và các rủi ro khác; góp phần bảo vệ tài sản dữ liệu quốc gia, chủ quyền dữ liệu và bảo đảm tính liên tục của hoạt động quản lý nhà nước.

e) Khai phá dữ liệu, tạo lập tri thức và chuyển hóa tài nguyên dữ liệu thành nguồn lực phát triển

- Dữ liệu văn thư, lưu trữ trở thành nguồn dữ liệu tin cậy phục vụ hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách và quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu.

- Dữ liệu văn thư, lưu trữ được khai thác thông qua các công nghệ số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo; hỗ trợ tra cứu, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

- Dữ liệu và thông tin lưu trữ được chuyển hóa thành tri thức số, phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

- Dữ liệu tài liệu lưu trữ được khai thác và phát huy giá trị như một nguồn lực chiến lược phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số, công nghiệp văn hóa và nâng cao sức mạnh mềm quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW.

- Dữ liệu văn thư, lưu trữ được chia sẻ, khai thác và tái sử dụng theo quy định của pháp luật, trở thành nguồn lực phục vụ đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

g) Hình thành mô hình tổ chức bộ máy quản trị hiện đại và phát triển nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ trong kỷ nguyên số

- Mô hình tổ chức và quản trị ngành văn thư, lưu trữ được đổi mới, thống nhất, phù hợp với yêu cầu quản trị dữ liệu và chuyển đổi số quốc gia.

- Mạng lưới lưu trữ quốc gia được tổ chức thống nhất trong môi trường số; hệ thống lưu trữ lịch sử đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo quản và khai thác tài liệu lưu trữ truyền thống, tài liệu lưu trữ số và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản trị dữ liệu, quản trị nền tảng số, bảo quản số dài hạn và làm chủ công nghệ phục vụ vận hành bền vững hệ thống văn thư, lưu trữ.

- Hệ thống vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, khung năng lực và chương trình đào tạo, bồi dưỡng được hoàn thiện theo yêu cầu quản trị dữ liệu, công nghệ số, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo.

- Các cơ quan, tổ chức trong toàn hệ thống đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành và phối hợp triển khai công tác văn thư, lưu trữ trên môi trường số; bảo đảm sự gắn kết giữa nghiệp vụ, dữ liệu, công nghệ và an toàn thông tin trong vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi về đối tượng áp dụng

Đề án được triển khai đối với các bộ, cơ quan ngang bộ; chính quyền địa phương các cấp; các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn thu nộp tài liệu vào Lưu trữ lịch sử theo quy định của pháp luật về lưu trữ; doanh nghiệp nhà nước; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động dịch vụ lưu trữ và khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi về tài liệu và dữ liệu

a) Toàn bộ văn bản, tài liệu và hồ sơ lưu trữ được hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi áp dụng của Đề án.

b) Dữ liệu văn bản, tài liệu, hồ sơ (tệp tin văn bản, tài liệu, hồ sơ) quy định tại điểm a mục này; dữ liệu đặc tả văn bản, tài liệu, hồ sơ; dữ liệu về quản lý vòng đời tài liệu; dữ liệu phát sinh trong quá trình giải quyết văn bản, tài liệu, hồ sơ; Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; dữ liệu phục vụ quản lý, bảo quản, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong môi trường số.

c) Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tuy nhiên, văn bản hành chính liên quan đến hồ sơ chuyên ngành được ban hành theo quy định của pháp luật về văn thư, lưu trữ thuộc phạm vi quản lý của Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ và được quản lý thống nhất theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi về hạ tầng số, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu

a) Đề án điều chỉnh việc xây dựng, quản lý và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia; xây dựng, quản lý và phát triển Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; hình thành hạ tầng dữ liệu văn thư, lưu trữ quốc gia tập trung, thống nhất, bảo đảm quản lý, lưu trữ, bảo quản, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu văn thư, lưu trữ trên phạm vi toàn quốc theo kiến trúc và mô hình quản trị thống nhất.

b) Việc kết nối, tích hợp dữ liệu từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số và các hệ thống thông tin có liên quan của bộ, ngành, địa phương với Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ được thực hiện thông qua hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu và mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, bảo đảm thống nhất, an toàn, thông suốt và phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Trong giai đoạn chuyển đổi, các hệ thống hiện có của bộ, ngành, địa phương được tiếp tục vận hành để bảo đảm tính liên tục trong hoạt động quản lý, điều hành; đồng thời từng bước chuẩn hóa, kết nối, tích hợp và chuyển dịch sang mô hình nền tảng dùng chung ở cấp quốc gia.

4. Phạm vi không thuộc Đề án

a) Đề án không điều chỉnh việc xây dựng và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và hệ thống quản lý tài liệu, dữ liệu chuyên ngành thuộc các cơ quan Đảng, Quốc hội, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Bộ Quốc

phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các lĩnh vực đặc thù khác được pháp luật quy định riêng.

b) Việc kết nối, phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ với các hệ thống thuộc các cơ quan nêu trên được thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến năm 2030.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện khung pháp lý và hướng dẫn nghiệp vụ

a) Hoàn thiện thể chế quản lý và quản trị dữ liệu văn thư, lưu trữ theo hướng quản lý thống nhất dữ liệu trên toàn bộ vòng đời tài liệu, phù hợp với Luật Lưu trữ, Luật Dữ liệu và các quy định liên quan.

b) Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc tạo lập, cập nhật, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu.

c) Hoàn thiện thể chế quản trị, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng hiệu quả và phát huy giá trị nguồn dữ liệu lưu trữ quốc gia.

d) Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu, chuẩn gói tin, định danh dữ liệu, kết nối, chia sẻ và lưu trữ số làm cơ sở triển khai thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

đ) Hoàn thiện mô hình nghiệp vụ quản lý dữ liệu văn thư, lưu trữ theo vòng đời tài liệu từ hình thành, xử lý, thu nộp, bảo quản, khai thác đến tiêu hủy; bảo đảm dữ liệu được quản lý xuyên suốt, liên thông và có khả năng kiểm chứng, truy vết. Bảo đảm các hệ thống, phần mềm, cơ sở dữ liệu, kho lưu trữ số, dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ tuân thủ thống nhất tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chuẩn dữ liệu quốc gia; khắc phục tình trạng phân mảnh, không tương thích dữ liệu giữa các hệ thống.

2. Xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ

a) Mô hình tổng thể Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ

- Xây dựng Nền tảng theo mô hình tập trung, thống nhất, dùng chung, phục vụ bộ, ngành, địa phương, lưu trữ lịch sử, cơ quan thuộc nguồn nộp lưu và tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

- Thiết kế theo mô hình nhiều lớp, gồm: lớp người dùng và truy cập dịch vụ; lớp dịch vụ nghiệp vụ văn thư, lưu trữ; lớp dữ liệu và quản trị dữ liệu; lớp tích hợp, chia sẻ dữ liệu; lớp AI và phân tích dữ liệu; lớp bảo mật, an toàn thông tin; lớp hạ tầng số và lưu trữ số.

- Thiết lập mô hình quản trị dữ liệu thống nhất theo toàn bộ vòng đời tài liệu; phân định rõ trách nhiệm giữa chủ quản dữ liệu, quản trị dữ liệu, quản lý chất lượng dữ liệu và đơn vị vận hành kỹ thuật; bảo đảm dữ liệu được quản lý xuyên

suốt, không bị đứt gãy từ khi hình thành đến khi được bảo quản, khai thác và sử dụng lâu dài.

b) Kiến trúc tổng thể và hạ tầng vận hành

- Nền tảng được xây dựng theo kiến trúc mở, tiêu chuẩn mở, dữ liệu mở có kiểm soát; bảo đảm khả năng tích hợp, mở rộng, kế thừa các hệ thống hiện có.

- Triển khai trên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc hạ tầng số đáp ứng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Bảo đảm vận hành đa vùng, dự phòng thảm họa, tính sẵn sàng cao, khả năng phục hồi, an toàn thông tin, an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu.

- Hình thành hạ tầng lưu trữ số quốc gia an toàn, tin cậy, bền vững; hỗ trợ bảo quản số dài hạn, kiểm tra toàn vẹn, quản lý phiên bản, chuyển đổi định dạng và di trú dữ liệu.

c) Các phân hệ chức năng quản lý dữ liệu theo vòng đời

- Nhóm chức năng quản lý văn bản điện tử: tiếp nhận văn bản đầu vào Nền tảng, bước mở đầu của vòng đời tài liệu trong Nền tảng, thực hiện việc hình thành, quản lý và lưu chuyển văn bản trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Nhóm chức năng xử lý văn bản: hỗ trợ quản lý toàn bộ quá trình xử lý văn bản trên môi trường số, gắn kết chặt chẽ giữa văn bản điện tử và hoạt động điều hành của cơ quan, tổ chức.

- Nhóm chức năng liên kết và theo dõi: kết nối công tác văn thư với công tác lưu trữ, bảo đảm dữ liệu không bị phân tán hoặc đứt gãy trong quá trình hình thành và sử dụng.

- Nhóm chức năng thu nộp và tiếp nhận: bảo đảm việc chuyển giao dữ liệu từ môi trường xử lý công việc sang môi trường lưu trữ được thực hiện tự động, đầy đủ và đúng quy định.

- Nhóm chức năng bảo quản và xác thực: bảo đảm dữ liệu được lưu giữ lâu dài, duy trì giá trị pháp lý và khả năng khai thác trong tương lai.

- Nhóm chức năng tra cứu và sử dụng: phục vụ khai thác, sử dụng và phát huy giá trị dữ liệu văn thư, lưu trữ trong các hoạt động quản lý nhà nước, nghiên cứu, giáo dục, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nhóm chức năng phát huy giá trị tài liệu, dữ liệu lưu trữ: chuyển đổi từ tư duy lưu giữ tài liệu sang tư duy khai thác và phát huy giá trị tài sản dữ liệu quốc gia, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số và công nghiệp nội dung số.

- Nhóm chức năng hủy tài liệu hết giá trị: hỗ trợ quản lý việc tiêu hủy tài liệu hết giá trị theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, khả năng kiểm tra và trách nhiệm giải trình.

- Nhóm chức năng báo cáo, thống kê và quản trị dữ liệu: cung cấp các công cụ quản trị dữ liệu tập trung, hỗ trợ giám sát, điều hành và quản lý nhà nước đối với toàn bộ hệ sinh thái dữ liệu văn thư, lưu trữ.

- Nhóm chức năng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu: tạo nền tảng ứng dụng các công nghệ số tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát huy giá trị dữ liệu.

- Nhóm chức năng bảo đảm giá trị pháp lý của dữ liệu: bảo đảm duy trì giá trị pháp lý của dữ liệu văn thư, lưu trữ trong toàn bộ vòng đời.

d) Tích hợp, chuyển đổi và kết nối hệ thống

- Kết nối các Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương để tiếp nhận, đồng bộ dữ liệu văn bản, hồ sơ điện tử.

- Kết nối các hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số hiện có, bảo đảm kế thừa dữ liệu và tránh đầu tư trùng lặp.

- Chuyển đổi dữ liệu hiện có theo chuẩn thống nhất, phục vụ quản lý tập trung và khai thác dùng chung.

- Kết nối với các nền tảng và cơ sở dữ liệu quốc gia, đặc biệt là Trung tâm dữ liệu quốc gia, các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan.

đ) Vận hành và khai thác Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ

- Tổ chức vận hành Nền tảng theo mô hình tập trung, thống nhất trên phạm vi toàn quốc; phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị vận hành kỹ thuật, cơ quan cập nhật dữ liệu, cơ quan khai thác và người sử dụng.

- Thiết lập cơ chế quản lý, giám sát vận hành, bảo đảm an toàn, ổn định, liên tục và kiểm soát được toàn bộ hoạt động trên Nền tảng.

- Cung cấp dịch vụ khai thác, sử dụng dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện, mở rộng chức năng, nâng cao năng lực phân tích, khai thác dữ liệu và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ.

3. Xây dựng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam

a) Xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam bảo đảm nguyên tắc đúng - đủ - sạch - sống - toàn vẹn - duy nhất - thống nhất - tập trung - liên thông - dùng chung.

- Đúng: dữ liệu phản ánh chính xác nội dung, nguồn gốc, xuất xứ, thẩm quyền hình thành và giá trị của văn bản, hồ sơ, tài liệu lưu trữ; bảo đảm tính xác thực và giá trị pháp lý.

- Đủ: dữ liệu được thu thập, quản lý đầy đủ theo toàn bộ vòng đời tài liệu, bao gồm nội dung, siêu dữ liệu và các thông tin liên quan phục vụ quản lý, bảo quản và khai thác.

- Sạch: dữ liệu được chuẩn hóa, kiểm soát chất lượng, bảo đảm tính chính xác, nhất quán và phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, chuẩn dữ liệu được áp dụng thống nhất.

- **Sống:** dữ liệu được cập nhật thường xuyên, liên tục trong quá trình hình thành, quản lý và lưu trữ; bảo đảm phản ánh kịp thời trạng thái và quá trình vận động của tài liệu.

- **Toàn vẹn:** dữ liệu được bảo vệ và duy trì đầy đủ mối liên hệ giữa tài liệu, hồ sơ và siêu dữ liệu; bảo đảm không bị mất mát, sai lệch hoặc thay đổi trái phép trong suốt quá trình quản lý, lưu trữ và khai thác.

- **Duy nhất:** mỗi văn bản, hồ sơ, tài liệu được quản lý theo một nguồn dữ liệu gốc thống nhất, bảo đảm không trùng lặp, không chồng chéo, không mâu thuẫn thông tin; tạo cơ sở cho việc chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu hiệu quả.

- **Thống nhất:** dữ liệu được tổ chức, quản lý theo mô hình dữ liệu, quy trình nghiệp vụ và hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn thống nhất trên phạm vi toàn quốc; bảo đảm khả năng liên thông, tích hợp và kế thừa lâu dài.

- **Tập trung:** dữ liệu được quản lý tập trung, thống nhất trong Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, bảo đảm Nhà nước chủ động quản trị, bảo vệ và khai thác nguồn dữ liệu lưu trữ quốc gia.

- **Liên thông:** dữ liệu được kết nối, tích hợp và trao đổi thông suốt giữa Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định, bảo đảm khả năng chia sẻ, khai thác và sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- **Dùng chung:** dữ liệu được kết nối, chia sẻ và khai thác theo cơ chế phân quyền phù hợp, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, bảo vệ giá trị tài liệu lưu trữ, nghiên cứu khoa học, giáo dục, phát triển kinh tế số, xã hội số và các nhu cầu hợp pháp khác.

b) Hoàn thiện chỉnh lý tài liệu giấy tồn đọng tại các bộ, ngành, địa phương

- Hoàn thành chỉnh lý (hoàn chỉnh hoặc sơ bộ) 100% tài liệu giấy tồn đọng thuộc Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam. Ưu tiên chỉnh lý tài liệu tồn đọng tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở Trung ương và cấp tỉnh; tài liệu của cơ quan, tổ chức là nguồn nộp vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở Trung ương và cấp tỉnh; tài liệu hình thành tại các cơ quan, tổ chức trước sắp xếp tổ chức bộ máy.

- Hoàn thành việc xây dựng dữ liệu đặc tả hồ sơ của 100% tài liệu sau chỉnh lý bảo đảm đạt chuẩn và sẵn sàng tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

c) Số hóa tài liệu lưu trữ có giá trị cao

- Số hóa khoảng 30 - 50% tài liệu lưu trữ vĩnh viễn và 10 - 20% tài liệu có thời hạn còn giá trị sử dụng cao tại các cơ quan, tổ chức. Ưu tiên số hóa tài liệu lưu trữ do chính cơ quan tạo lập, ban hành (tập lưu văn bản đi); tài liệu lưu trữ vĩnh viễn của cơ quan, tổ chức cấp huyện, cấp xã trước sắp xếp tổ chức bộ máy; tài liệu lưu trữ vĩnh viễn thuộc Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; tài liệu lưu trữ có tần suất khai thác, sử dụng cao; tài liệu lưu trữ phục vụ cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công; tài liệu lưu trữ có nguy cơ xuống cấp, hư hỏng hoặc có yêu cầu bảo quản đặc biệt; tài liệu lưu trữ

phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước và công bố thông tin đến người dân, doanh nghiệp.

- Số hóa 100% tài liệu lưu trữ vĩnh viễn đang bảo quản tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia và Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh.

- Chuẩn hóa và tích hợp toàn bộ dữ liệu tài liệu số hóa vào Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; triển khai mô hình số hóa phân tán từ các bộ, ngành, địa phương và quản lý dữ liệu tập trung; dữ liệu số hóa được đồng bộ tức thời về Kho Lưu trữ số Nhà nước trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia, được đưa vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam để phục vụ sử dụng, khai thác trực tuyến.

d) Chuẩn hóa và tiếp nhận dữ liệu tài liệu lưu trữ từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương

- Phân loại, chọn lọc và chuẩn hóa tài liệu lưu trữ số tại Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Kiểm tra tính đầy đủ, toàn vẹn, xác thực và giá trị pháp lý trước khi tiếp nhận dữ liệu; bảo đảm dữ liệu được quản lý liên tục, không đứt gãy từ giai đoạn hình thành đến khi lưu trữ lâu dài.

đ) Xây dựng, quản trị và khai thác Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Tích hợp, quản lý tập trung và cập nhật dữ liệu từ chính lý, số hóa và tài liệu lưu trữ điện tử của các bộ, ngành, địa phương.

- Hình thành môi trường tra cứu, khai thác, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu tập trung phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm dữ liệu được quản trị thống nhất, quản lý tập trung, cập nhật liên tục và khai thác theo cơ chế phân quyền trong toàn bộ vòng đời tài liệu; từng bước hình thành nguồn dữ liệu lưu trữ quốc gia tin cậy phục vụ quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu.

- Thiết lập cơ chế quản trị, vận hành và khai thác thống nhất Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam trên Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

e) Chuyển giao Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam hiện có về lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia

- Chuyển giao Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam về lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định của Luật Dữ liệu và định hướng phát triển hạ tầng dữ liệu quốc gia.

- Thiết lập cơ chế phối hợp quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn dữ liệu giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ và cơ quan quản lý Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

4. Triển khai các giải pháp lưu trữ dự phòng đa tầng đối với tài liệu lưu trữ đặc biệt quan trọng

a) Xác định danh mục tài liệu thuộc diện lưu trữ dự phòng thuộc Phòng Lưu trữ Nhà nước Việt Nam để xây dựng kế hoạch, lựa chọn công nghệ và tiến hành tạo lập, lưu trữ bản dự phòng theo quy định.

b) Áp dụng mô hình lưu trữ dự phòng đa tầng, đa vật mang tin: trên cơ sở các giải pháp nêu trên, từng bước hình thành mô hình lưu trữ dự phòng 03 lớp bảo vệ đối với tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt và tài liệu lưu trữ vĩnh viễn có nguy cơ bị hư hỏng, mỗi lớp tạo lập 01 bản sao dự phòng.

- Đối với tài liệu gốc giấy, thực hiện bảo quản tài liệu gốc, tạo lập bản sao số chất lượng cao, bản dự phòng trên vi phim hoặc phim lưu trữ chuyên dụng, bản dự phòng trên giấy và mực bền lâu đối với tài liệu đặc biệt quan trọng.

- Đối với tài liệu gốc số, duy trì bản lưu trữ số chính thức, bản lưu trữ số dự phòng tại hạ tầng độc lập về địa lý, bản dự phòng ngoại tuyến trên vật mang tin có độ bền cao; thực hiện kiểm tra toàn vẹn, xác thực nguồn gốc, chuyển đổi định dạng, di trú công nghệ theo chu kỳ.

- Đối với tài liệu gốc trên vật mang tin khác, thực hiện số hóa chất lượng cao, tạo lập bản dự phòng số và bản dự phòng trên vật mang tin có độ bền cao phù hợp với từng loại hình tài liệu.

c) Xây dựng hạ tầng lưu trữ dự phòng quốc gia phân tán địa lý: hình thành hạ tầng lưu trữ dự phòng tại các địa điểm độc lập, bảo đảm khả năng duy trì hoạt động khi xảy ra sự cố hoặc thảm họa.

d) Xây dựng cơ chế sao lưu, đồng bộ và phục hồi dữ liệu thống nhất, bảo đảm tính sẵn sàng và khả năng khôi phục dữ liệu.

đ) Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá các công nghệ lưu trữ dự phòng dài hạn, công nghệ lưu trữ ngoại tuyến, vật mang tin có độ bền cao, lưu trữ cố định, bảo quản dài hạn tài liệu số và các loại hình dữ liệu đặc thù.

e) Xây dựng Cơ sở dữ liệu quản lý tài liệu lưu trữ dự phòng thống nhất trên phạm vi toàn quốc; quản lý danh mục tài liệu thuộc diện lập dự phòng, thông tin tài liệu gốc, loại hình bản dự phòng, công nghệ tạo lập, vật mang tin, địa điểm bảo quản, tình trạng tài liệu, lịch sử kiểm tra, kết quả kiểm chứng toàn vẹn, lịch sử khai thác và phương án phục hồi.

g) Thiết lập chế độ kiểm tra định kỳ đối với bản dự phòng vật lý và bản dự phòng số; đánh giá rủi ro đối với từng nhóm tài liệu, kho lưu trữ, hệ thống lưu trữ số, điểm lưu trữ dự phòng; tổ chức diễn tập phục hồi dữ liệu và phục hồi hoạt động lưu trữ trong các kịch bản mất dữ liệu, hỏng hệ thống, tấn công mã độc, cháy

nổ, ngập lụt, mất điện diện rộng, gián đoạn hạ tầng mạng hoặc mất khả năng khai thác tại kho chính.

5. Tăng cường phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong môi trường số đáp ứng yêu cầu ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và phát triển văn hóa Việt Nam theo Nghị quyết số 80-NQ/TW

a) Đổi mới phương thức công bố và giới thiệu tài liệu lưu trữ: đẩy mạnh triển lãm số, bảo tàng số, trưng bày trực tuyến và các hình thức giới thiệu tài liệu trên nền tảng số.

b) Mở rộng khả năng tiếp cận và khai thác tài liệu lưu trữ: phát triển các công cụ tra cứu, tìm kiếm, khai thác trực tuyến; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước tiếp cận tài liệu lưu trữ theo quy định.

c) Phát triển năng lực khai phá thông minh thông tin từ tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ nhằm hình thành các dịch vụ tri thức số, hỗ trợ tìm kiếm, kết nối, phân tích và phát hiện giá trị mới từ tài liệu lưu trữ, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, nghiên cứu, giáo dục, truyền thông và phát huy giá trị tài liệu trong môi trường số.

d) Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ phục vụ giáo dục, nghiên cứu và truyền thông: cung cấp nguồn tư liệu phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục lịch sử, truyền thống và nâng cao nhận thức xã hội về giá trị của tài liệu lưu trữ.

đ) Gắn phát huy giá trị tài liệu lưu trữ với phát triển văn hóa và công nghiệp sáng tạo: thúc đẩy khai thác tài liệu lưu trữ trong các hoạt động văn hóa, du lịch, xuất bản, điện ảnh, truyền thông và các ngành công nghiệp sáng tạo.

e) Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ phục vụ hoạt động của hệ thống chính trị và quản trị quốc gia: cung cấp thông tin, dữ liệu tin cậy phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, hoạch định chính sách và quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu.

6. Tăng cường quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ

a) Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước đối với hoạt động dịch vụ lưu trữ phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số và phát triển Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; bảo đảm hoạt động dịch vụ lưu trữ được tổ chức thống nhất, minh bạch, an toàn, hiệu quả.

b) Ứng dụng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ trong quản lý và giám sát hoạt động dịch vụ lưu trữ; tích hợp chức năng quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động dịch vụ lưu trữ trên Nền tảng; bảo đảm các hoạt động tác động đến tài liệu, dữ liệu lưu trữ được ghi nhận, truy vết và kiểm soát.

7. Xây dựng hạ tầng số tập trung để vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ

a) Xây dựng và vận hành hạ tầng công nghệ tập trung trên Trung tâm Dữ liệu quốc gia hoặc hạ tầng số đáp ứng yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; hình thành hạ tầng dữ liệu văn thư, lưu trữ quốc gia thống nhất, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số dùng chung.

b) Xây dựng hạ tầng lưu trữ dữ liệu quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu quản lý, lưu trữ, bảo quản và khai thác tập trung dữ liệu văn thư, lưu trữ trên phạm vi toàn quốc; bảo đảm khả năng mở rộng, duy trì tính xác thực, toàn vẹn, giá trị pháp lý và khả năng sử dụng lâu dài của dữ liệu.

c) Xây dựng hạ tầng khai phá thông minh thông tin từ tài liệu lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, tạo nền tảng ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, tri thức số và các công nghệ số tiên tiến để hỗ trợ tìm kiếm, phân tích, tổng hợp thông tin, cung cấp tri thức và hỗ trợ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương.

d) Xây dựng hạ tầng bảo đảm an ninh, an toàn và chủ quyền dữ liệu, đồng bộ với hạ tầng công nghệ và hạ tầng lưu trữ; bảo đảm định danh, xác thực, phân quyền truy cập, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng dữ liệu; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ, sự cố an toàn thông tin, an ninh mạng.

đ) Xây dựng hạ tầng dự phòng và khôi phục thảm họa, bảo đảm khả năng sao lưu, phục hồi dữ liệu và duy trì hoạt động liên tục, ổn định của Nền tảng và các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi Đề án; nâng cao khả năng chống chịu trước các sự cố kỹ thuật, thiên tai, thảm họa và các rủi ro khác.

8. Giải pháp tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ

a) Nghiên cứu xác định vị trí và mô hình tổ chức phù hợp của cơ quan quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ, bảo đảm quản lý thống nhất dữ liệu văn thư, lưu trữ quốc gia, vận hành hiệu quả Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; đồng thời nâng cao năng lực tham mưu, tổng hợp, cung cấp và khai thác dữ liệu phục vụ kịp thời hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và người đứng đầu bộ, ngành, địa phương.

b) Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy ngành văn thư, lưu trữ từ trung ương đến địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với mô hình quản trị dữ liệu trong môi trường số; tăng cường năng lực quản lý dữ liệu, lưu trữ số và vận hành các nền tảng, cơ sở dữ liệu dùng chung; xây dựng cơ chế phối hợp thống nhất giữa cơ quan quản lý văn thư, lưu trữ với các cơ quan quản lý dữ liệu, công nghệ thông tin và Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

c) Phát triển nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng số và khả năng quản trị dữ liệu; đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng gắn với quản trị dữ liệu, lưu trữ số, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo; đồng thời thu hút, phát triển đội ngũ chuyên gia có kiến thức liên ngành về văn thư, lưu trữ, công nghệ số và dữ liệu.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích huy động các nguồn kinh phí hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tham gia thực hiện các nhiệm vụ phù hợp của Đề án; lồng ghép nguồn kinh phí từ các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo và không ảnh hưởng đến an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án được xác định cụ thể trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ thành phần theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

4. Việc bố trí kinh phí được thực hiện theo lộ trình triển khai Đề án, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và tiến độ thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ thành phần.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nguyên tắc tổ chức thực hiện

a) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; phát huy vai trò chủ trì của Bộ Nội vụ và trách nhiệm phối hợp của Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Triển khai đồng bộ, toàn diện trên các trụ cột: thể chế, nghiệp vụ, hạ tầng, dữ liệu, an toàn thông tin, nguồn nhân lực, tổ chức vận hành, kiểm tra, giám sát; phân định rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ đầu mối, rõ sản phẩm, rõ thời hạn hoàn thành.

c) Ưu tiên kế thừa, tích hợp, tái sử dụng hệ thống, dữ liệu, hạ tầng, kết quả đầu tư đã có; bảo đảm kết nối, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp, phân tán; triển khai thí điểm trước khi nhân rộng, bảo đảm khả thi, ổn định và hiệu quả.

d) Thực hiện đầu tư tập trung, khai thác dùng chung; không đầu tư xây dựng mới các hệ thống phần mềm lưu trữ số có chức năng trùng lặp với Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ, trừ trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

đ) Gắn kết nhiệm vụ của Đề án với chương trình chuyển đổi số quốc gia, Đề án 06, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia, phát triển hạ tầng dữ liệu quốc gia, cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

2. Phân công nhiệm vụ

a) Bộ Nội vụ

Là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện Đề án; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án.

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ:

- Nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện mô hình quản lý văn thư, lưu trữ và quản trị dữ liệu quốc gia theo hướng quản lý thống nhất vòng đời tài liệu, hồ sơ và dữ liệu; bảo đảm dữ liệu được quản lý liên tục, thống nhất, liên thông, chia sẻ, khai thác hiệu quả và bảo vệ trong toàn bộ vòng đời.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về văn thư, lưu trữ và quản trị cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; hướng dẫn tiêu chí lựa chọn tài liệu lưu trữ ưu tiên số hóa.

- Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình nghiệp vụ văn thư, lưu trữ; chuẩn dữ liệu, chuẩn siêu dữ liệu; quản trị dữ liệu văn thư, lưu trữ trên phạm vi toàn quốc và triển khai Đề án.

- Tổ chức xây dựng và triển khai Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; xây dựng yêu cầu nghiệp vụ, mô hình dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ; xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; tổ chức quản lý, vận hành nghiệp vụ của Nền tảng; công bố kiến trúc, yêu cầu kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, địa phương kết nối, khai thác, sử dụng Nền tảng; định kỳ đánh giá, nâng cấp, hoàn thiện Nền tảng; phối hợp triển khai trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, quản trị, phát triển và tổ chức khai thác Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức chỉnh lý, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ tại các lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương và chuẩn hóa dữ liệu phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Hướng dẫn bộ, ngành, địa phương tiêu chí xác định tài liệu lưu trữ ưu tiên số hóa; tạo lập, chuẩn hóa, kiểm tra chất lượng và cập nhật Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; cung cấp công cụ đóng gói dữ liệu để tiếp nhận vào Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ trước khi chuyển giao lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

- Triển khai hệ thống lưu trữ dự phòng quốc gia đối với tài liệu lưu trữ thuộc diện dự phòng Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Xây dựng và triển khai các chương trình phát huy giá trị tài liệu và dữ liệu lưu trữ quốc gia; mở rộng khả năng tiếp cận, khai thác và sử dụng dữ liệu lưu trữ phục vụ người dân, doanh nghiệp, hoạt động nghiên cứu, giáo dục, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế quản lý, giám sát, phát triển các hoạt động dịch vụ văn thư, lưu trữ trong môi trường số.

- Rà soát, đề xuất mô hình tổ chức bộ máy ngành văn thư, lưu trữ phù hợp yêu cầu quản trị dữ liệu và vận hành Nền tảng số quốc gia.

- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; xác định tiêu chí, phương pháp đánh giá việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ phục vụ công tác đánh giá cải cách hành chính theo quy định; định kỳ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ:

- Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và tổ chức thực hiện kiến trúc tổng thể, mô hình quản trị, mô hình dữ liệu và cơ chế vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật về nền tảng số lĩnh vực văn thư, lưu trữ; an toàn thông tin dữ liệu lưu trữ.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ định kỳ hằng năm tổ chức đo lường, đánh giá trực tuyến tỷ lệ xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ làm căn cứ để chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương.

- Phối hợp với các bộ liên quan rà soát, hoàn thiện bảo đảm đồng bộ hệ thống pháp luật về văn thư, lưu trữ với hệ thống pháp luật về dữ liệu, công nghệ thông tin, an toàn thông tin, tiếp cận thông tin, chuyển đổi số.

b) Bộ Công an

Là cơ quan đồng chủ trì tổ chức thực hiện Đề án; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đề án.

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ:

- Xây dựng, phát triển và vận hành hạ tầng số, hạ tầng lưu trữ dữ liệu và các điều kiện kỹ thuật cần thiết bảo đảm triển khai, vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật để triển khai, lưu trữ và vận hành Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ tiếp nhận, quản trị, vận hành và khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức tiếp nhận, lưu trữ, đồng bộ và quản lý kỹ thuật đối với dữ liệu tài liệu lưu trữ hình thành từ số hóa do Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, địa phương chuyển giao; bảo đảm an toàn, an ninh, tính sẵn sàng và khả năng phục hồi dữ liệu trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

- Triển khai kỹ thuật Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia; tổ chức vận hành kỹ thuật, cung cấp hạ tầng và các dịch vụ hạ tầng theo yêu cầu nghiệp vụ, mô hình dữ liệu, tiêu chuẩn và quy trình nghiệp vụ do Bộ Nội vụ xây dựng.

- Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin đã được phê duyệt; bảo vệ dữ liệu, chủ quyền dữ liệu quốc gia và kiểm soát truy cập đối với các hệ thống, nền tảng và cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi Đề án.

- Xây dựng và triển khai các giải pháp sao lưu, phục hồi dữ liệu, bảo đảm tính liên tục hoạt động và khả năng phục hồi sau thảm họa đối với dữ liệu của Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Hạ tầng khai phá thông minh thông tin từ tài liệu lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Triển khai các giải pháp định danh điện tử, xác thực điện tử, xác thực dữ liệu, dấu thời gian điện tử và các cơ chế bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn, khả năng kiểm chứng của tài liệu lưu trữ số.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp bảo đảm chủ quyền dữ liệu quốc gia, quản lý dữ liệu lưu trữ trên hạ tầng số trong nước và bảo vệ dữ liệu lưu trữ trước các nguy cơ mất an toàn, mất kiểm soát hoặc phụ thuộc công nghệ.

- Xây dựng và triển khai giải pháp số hóa tập trung đối với tài liệu lưu trữ của bộ, ngành, địa phương nhằm tạo lập Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam và lưu trên hạ tầng lưu trữ tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Phối hợp với Bộ Nội vụ thực hiện các nhiệm vụ:

- Kết nối và khai thác dữ liệu định danh điện tử phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ.

- Triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu, lưu trữ dự phòng và bảo đảm chủ quyền dữ liệu quốc gia đối với dữ liệu văn thư, lưu trữ.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm an ninh, an toàn cho Kho Lưu trữ số Nhà nước và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì hướng dẫn triển khai Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ theo quy định về nền tảng số dùng chung quốc gia; hướng dẫn áp dụng kiến trúc Chính phủ số, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định chung về nền tảng số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn dữ liệu và siêu dữ liệu trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn dữ liệu và siêu dữ liệu phục vụ quản lý, lưu trữ, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu văn thư, lưu trữ.

- Chủ trì xây dựng, triển khai giải pháp đo lường, đánh giá trực tuyến việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; phối hợp với Bộ Nội vụ phục vụ công tác đánh giá cải cách hành chính theo quy định.

- Phối hợp nghiên cứu, đánh giá, lựa chọn và hướng dẫn áp dụng các công nghệ mới phục vụ lưu trữ số, bảo quản số dài hạn, lưu trữ dự phòng, quản trị dữ liệu và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ theo chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ:

- rà soát, cập nhật chương trình đào tạo các ngành văn thư, lưu trữ, quản trị văn phòng và các ngành liên quan theo định hướng chuyển đổi số.

- Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo về lưu trữ số, quản trị dữ liệu, quản trị siêu dữ liệu, bảo quản số dài hạn và khai thác dữ liệu lưu trữ.

- Thúc đẩy hình thành các chương trình đào tạo liên ngành giữa văn thư, lưu trữ với công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo.

- Phối hợp chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển ngành văn thư, lưu trữ trong giai đoạn mới.

đ) Bộ Tài chính

Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ:

- Bố trí nguồn kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các nghiệp vụ lưu trữ số và quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

- Xây dựng cơ chế tài chính phục vụ triển khai Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án.

e) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các cơ quan trung ương có cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực.

- Chuẩn hóa, chỉnh lý, số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ chuyên ngành.

- Cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ theo quy định.

- Bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và các yêu cầu đặc thù của từng ngành, lĩnh vực.

g) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao trong Đề án.

- Kết nối, sử dụng Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ theo lộ trình; không đầu tư xây dựng các hệ thống phần mềm lưu trữ số có chức năng trùng lặp với Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ, trừ trường hợp đặc thù theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Ban hành Danh mục tài liệu lưu trữ ưu tiên số hóa; tổ chức chỉnh lý, số hóa, chuẩn hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ thuộc phạm vi quản lý; cập nhật kịp thời vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam theo

quy định và chuyển giao vào lưu trữ tập trung tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

- Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tài liệu lưu trữ hình thành trong Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương; lựa chọn tài liệu lưu trữ cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam và chuyển giao vào lưu trữ tập trung tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

- Tổ chức thu nộp, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ thuộc phạm vi quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ lưu trữ dự phòng theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Kiện toàn tổ chức, bố trí nhân lực và các điều kiện cần thiết để triển khai Đề án; nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

h) Ban Cơ yếu Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Công an thực hiện các nhiệm vụ:

- Xây dựng, triển khai giải pháp xác thực văn bản, tài liệu của cơ quan, tổ chức được phát hành trong Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ (xác thực của cá nhân lãnh đạo có thẩm quyền ban hành văn bản, xác thực của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản).

- Xây dựng, triển khai giải pháp xác thực lâu dài tài liệu lưu trữ số được lưu trữ trong Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; xác thực tài liệu, dữ liệu, thông tin được cung cấp từ Nền tảng.

i) Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số

Khuyến khích tham gia thực hiện các nhiệm vụ:

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp khoa học, kỹ thuật đối với hoạt động văn thư, lưu trữ và quản lý, xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

- Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ số; phát triển các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản trị dữ liệu, bảo quản số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực văn thư, lưu trữ.

- Tham gia nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai các giải pháp đổi mới sáng tạo phục vụ hoạt động nghiệp vụ văn thư, lưu trữ.

Việc tham gia của doanh nghiệp và các tổ chức liên quan phải bảo đảm:

- Tuân thủ hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu nghiệp vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

- Tuân thủ các quy định về an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và bảo vệ bí mật nhà nước;

- Không sở hữu, không quản lý và không có quyền khai thác dữ liệu văn thư, lưu trữ quốc gia ngoài phạm vi được cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

k) Đề nghị Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan trung ương có liên quan phối hợp triển khai Đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

3. Cơ chế phối hợp liên ngành

a) Thành lập Tổ công tác liên ngành triển khai Đề án

- Thành lập Tổ công tác liên ngành triển khai Đề án do Bộ Nội vụ chủ trì, với sự tham gia của Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

- Tổ công tác liên ngành có nhiệm vụ tham mưu, điều phối, đôn đốc và hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ của Đề án; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong xây dựng, vận hành và khai thác Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Định kỳ tổ chức đánh giá tình hình triển khai, tổng hợp kết quả thực hiện và kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề liên ngành vượt thẩm quyền của từng cơ quan.

b) Cơ chế phối hợp giữa nghiệp vụ, công nghệ và bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu

- Thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ; cơ quan quản lý, vận hành hạ tầng số; cơ quan bảo đảm an toàn, an ninh mạng và các cơ quan có liên quan trong toàn bộ quá trình xây dựng, triển khai và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Việc phối hợp phải bảo đảm thống nhất từ khâu xây dựng thể chế, tiêu chuẩn, quy chuẩn, thiết kế kiến trúc, tổ chức dữ liệu, triển khai hạ tầng, vận hành hệ thống đến bảo đảm an toàn, an ninh và khai thác dữ liệu; bảo đảm phân công rõ trách nhiệm, không chồng chéo nhiệm vụ, không phát sinh khoảng trống trong quản lý và vận hành hệ thống.

c) Cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương

- Thực hiện cơ chế quản lý thống nhất, tổ chức triển khai phân cấp, phát huy vai trò chủ động của các bộ, ngành, địa phương trong quá trình xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Các cơ quan trung ương có trách nhiệm xây dựng thể chế, tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiến trúc tổng thể, nền tảng dùng chung, cơ sở dữ liệu quốc gia và hướng dẫn nghiệp vụ thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tổ chức triển khai trong phạm vi quản lý; thực hiện chính lý, số hóa, chuẩn hóa dữ liệu; kết nối, chia sẻ và cập nhật dữ liệu theo quy định; đồng thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống kỹ thuật trong quá trình triển khai thực hiện.

- Cơ chế phối hợp Trung ương - địa phương phải bảo đảm dữ liệu được quản lý tập trung, thống nhất nhưng được cập nhật, khai thác và phát huy giá trị rộng rãi trên phạm vi toàn quốc.

4. Lộ trình thực hiện giai đoạn 2026-2030

a) Giai đoạn 2026-2028: Tạo nền móng và chuyển đổi mô hình

Giai đoạn 2026 - 2028 là giai đoạn tạo nền móng và chuyển đổi mô hình, tập trung xây dựng các nền tảng quốc gia, chuẩn hóa dữ liệu, kết nối và đồng bộ các hệ thống hiện có; chưa thực hiện thay thế đồng loạt các hệ thống đang vận hành mà từng bước chuyển dịch sang mô hình nền tảng số dùng chung, bảo đảm hiệu quả đầu tư và không làm gián đoạn hoạt động của các cơ quan nhà nước, tập trung hoàn thành các nhiệm vụ sau:

Về thủ tục pháp lý:

- Hoàn thiện khung pháp lý, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ về văn thư, lưu trữ trong môi trường số, làm cơ sở triển khai thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Tổ chức ký kết và triển khai quy chế phối hợp giữa Bộ Nội vụ và Bộ Công an trong việc triển khai các nhiệm vụ của Đề án.

- Thực hiện thủ tục phê duyệt các đề án, dự án thành phần.

Về xây dựng cơ sở dữ liệu:

- Chuyển Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam hiện có về lưu trữ và vận hành trên hạ tầng công nghệ của Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

- Triển khai chỉnh lý, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu tại các bộ, ngành, địa phương từng bước chuyển giao vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam được lưu trữ và vận hành tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia (mô hình số hóa và lưu trữ dữ liệu tập trung).

- Chuẩn hóa dữ liệu từ hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương để chuyển giao vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Lựa chọn một số bộ, ngành, địa phương để thí điểm kết nối, đồng bộ dữ liệu; đánh giá, hoàn thiện mô hình trước khi triển khai trên phạm vi toàn quốc.

- Tổ chức kết nối, tích hợp các Hệ thống quản lý văn bản và điều hành hiện có với Nền tảng số quốc gia về văn thư theo tiêu chuẩn, quy chuẩn thống nhất; thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, chuẩn hóa siêu dữ liệu và đồng bộ dữ liệu thời gian thực về Nền tảng số quốc gia.

- Tổ chức tiếp nhận dữ liệu văn bản đi của cơ quan, tổ chức nhà nước vào Nền tảng số quốc gia để thực hiện lưu trữ tập trung.

Về nền tảng và hạ tầng công nghệ:

- Thiết kế, xây dựng và đưa vào vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Triển khai hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng tập trung, an toàn, sẵn sàng phục vụ lâu dài cho việc vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Cho phép các hệ thống hiện có tiếp tục vận hành trong giai đoạn chuyển đổi nhằm bảo đảm tính liên tục trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; đồng thời từng bước chuyển dịch từ mô hình hệ thống phân tán sang mô hình nền tảng dùng chung ở cấp quốc gia.

- Tổ chức thí điểm triển khai tại một số bộ, ngành trung ương và địa phương đại diện.

- Đánh giá kết quả triển khai thí điểm; hoàn thiện mô hình quản lý, vận hành, cơ chế kết nối, tích hợp và quản trị dữ liệu; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về kỹ thuật, pháp lý và tổ chức để triển khai trên phạm vi toàn quốc trong giai đoạn tiếp theo.

Về các nhiệm vụ khác:

- Xây dựng và triển khai giải pháp về lưu trữ dự phòng, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ,

- Xây dựng và thực hiện giải pháp về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực.

b) Giai đoạn 2029-2030: Tăng tốc và đồng bộ hóa

Giai đoạn 2029 - 2030 là giai đoạn hoàn tất chuyển đổi sang mô hình nền tảng dùng chung, thực hiện quản lý tập trung, thống nhất dữ liệu văn thư, lưu trữ trên phạm vi toàn quốc; hình thành đầy đủ hạ tầng dữ liệu văn thư, lưu trữ quốc gia làm nền tảng cho phát triển Chính phủ số và bảo tồn lâu dài tài liệu lưu trữ quốc gia, tập trung hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Triển khai Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ tới 100% bộ, ngành, địa phương, bảo đảm thực hiện thống nhất mô hình nền tảng dùng chung trên phạm vi toàn quốc.

- Hoàn thành kết nối, liên thông và đồng bộ dữ liệu giữa các Hệ thống quản lý văn bản và điều hành với Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Từng bước chấm dứt việc duy trì các hệ thống văn thư, lưu trữ độc lập không đáp ứng yêu cầu kết nối, liên thông và quản lý tập trung; bảo đảm các hoạt động văn thư, lưu trữ được thực hiện thống nhất trên Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.

- Hoàn thành mục tiêu chính lý, số hóa, chuẩn hóa dữ liệu phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

- Hoàn thành việc xây dựng, cập nhật và vận hành ổn định Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam trên Nền tảng số quốc gia về lưu trữ; tạo cơ chế cập nhật tự động cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ từ bộ, ngành, địa phương.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu lưu trữ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các nền tảng số quốc gia có liên quan, phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ số.

- Triển khai đồng bộ các dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong lĩnh vực lưu trữ, gắn với định danh và xác thực điện tử; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp cận, khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật.

- Thiết lập hệ thống lưu trữ dự phòng hai lớp bảo vệ đối với tài liệu lưu trữ thuộc diện dự phòng Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, làm tiền đề để thực hiện giải pháp bảo vệ ba lớp trong giai đoạn tiếp theo.

- Hoàn thiện cơ chế quản trị, vận hành và giám sát dữ liệu văn thư, lưu trữ ở quy mô quốc gia; nâng cao năng lực phân tích, khai thác dữ liệu, tạo tri thức phục vụ Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

c) Định hướng sau năm 2030: Chuẩn bị cho thông minh hóa và khai phóng giá trị

- Từng bước mở dữ liệu lưu trữ theo lộ trình và phạm vi phù hợp, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

- Phát triển lưu trữ số trở thành một trong những trung tâm dữ liệu và tri thức quan trọng của Chính phủ số, phục vụ quản trị nhà nước dựa trên dữ liệu và phát triển bền vững.

- Tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2026 – 2030, làm cơ sở đề xuất Đề án giai đoạn tiếp theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CDS.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ/Giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/Sản phẩm dự kiến	Thời hạn hoàn thành
I	Hoàn thiện khung pháp lý và hướng dẫn nghiệp vụ				
1.	Trình Chính phủ trình Quốc hội Luật Lưu trữ sửa đổi đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu theo vòng đời và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư lưu trữ.	Bộ Nội vụ	Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp	Luật Lưu trữ sửa đổi được ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho quản lý tài liệu, hồ sơ, dữ liệu theo toàn bộ vòng đời và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.	2028
2.	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 30/2020/NĐ-CP và phương án đề xuất nội dung vào Luật Lưu trữ sửa đổi.	Bộ Nội vụ	Văn phòng Chính phủ,	Báo cáo đánh giá việc thực hiện Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, xác định khoảng trống pháp lý và đề xuất nội dung đưa vào Luật Lưu trữ sửa đổi.	2027
3.	Trình Chính phủ Nghị định sửa đổi Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ.	Bộ Nội vụ	Bộ Công an, Bộ Tư pháp	Nghị định sửa đổi Nghị định số 113/2025/NĐ-CP được ban hành, hoàn thiện cơ chế quản lý, cập nhật, kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.	2028

4.	Rà soát hệ thống quy phạm pháp luật và đề xuất sửa đổi để đồng bộ với Luật Lưu trữ sửa đổi và bảo đảm vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.	Bộ Nội vụ	Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp	Báo cáo rà soát hệ thống pháp luật và phương án sửa đổi, bảo đảm đồng bộ giữa pháp luật lưu trữ, dữ liệu, chuyển đổi số, an toàn thông tin và vận hành Nền tảng.	2028
5.	Rà soát, sửa đổi hệ thống thông tư quy định chi tiết Luật Lưu trữ; quy định về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ; chuẩn dữ liệu tài liệu lưu trữ; định mức kinh tế kỹ thuật... bảo đảm đồng bộ và thuận lợi khi vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ.	Bộ Nội vụ	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính	Hệ thống thông tư, quy trình nghiệp vụ, chuẩn dữ liệu, chuẩn siêu dữ liệu và định mức kinh tế - kỹ thuật được ban hành, tạo căn cứ triển khai thống nhất trên toàn quốc.	2028
6.	Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định danh dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu tài liệu lưu trữ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ	Thông tư quy định tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật, định danh dữ liệu, kết nối và chia sẻ dữ liệu được ban hành, bảo đảm liên thông giữa Nền tảng với các hệ thống của bộ, ngành, địa phương.	2028
7.	Hướng dẫn chính lý, số hóa tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành, địa phương	Hướng dẫn nghiệp vụ chính lý, số hóa, chuẩn hóa dữ liệu tài liệu lưu trữ được ban hành, bảo đảm tài liệu đủ điều kiện đưa vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.	2027 - 2028

II	Xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ				
8.	Triển khai kỹ thuật Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia; tổ chức tiếp nhận, lưu trữ, đồng bộ và quản lý kỹ thuật đối với dữ liệu tài liệu lưu trữ do Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, địa phương chuyển giao; tổ chức vận hành kỹ thuật, cung cấp hạ tầng và các dịch vụ hạ tầng theo yêu cầu nghiệp vụ; triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin được phê duyệt.	Bộ Công an (C12, A05)	Bộ Nội vụ	Phê duyệt Dự án - 2027 Hoàn thành Nền tảng - 2028 Vận hành 2029 – 2030 Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ được triển khai, tiếp nhận, lưu trữ, đồng bộ và vận hành kỹ thuật trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia.	2026 - 2030
9.	Tổ chức xây dựng và triển khai Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; xây dựng yêu cầu nghiệp vụ, mô hình dữ liệu, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ; xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; tổ chức quản lý, vận hành nghiệp vụ của Nền tảng; công bố kiến trúc, yêu cầu kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, địa phương kết nối, khai thác, sử dụng Nền tảng; định kỳ đánh giá, nâng cấp, hoàn thiện Nền	Bộ Nội vụ	Bộ Công an (A05, C12)	Kiến trúc, mô hình dữ liệu, yêu cầu chức năng, quy trình nghiệp vụ và cơ chế vận hành nghiệp vụ của Nền tảng được ban hành, làm căn cứ kết nối, sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.	2027

	tầng; phối hợp triển khai trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.				
10.	Triển khai các giải pháp định danh điện tử, xác thực điện tử phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ số.	Bộ Công an (C06)	Ban Cơ yếu Chính phủ	Giải pháp định danh, xác thực điện tử được tích hợp, bảo đảm người dùng, cơ quan, tổ chức được xác thực an toàn khi quản lý, khai thác tài liệu lưu trữ số.	2027
11.	Hướng dẫn kết nối, tích hợp, chuyển giao dữ liệu, bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, phân loại, xác định phạm vi khai thác, mức độ chia sẻ và mức độ bảo vệ trước khi tiếp nhận vào Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hướng dẫn kết nối, tích hợp, chuyển giao dữ liệu được ban hành, bảo đảm dữ liệu đủ điều kiện tiếp nhận vào Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.	2028
12.	Xây dựng và triển khai giải pháp số hóa tập trung đối với tài liệu lưu trữ của bộ, ngành, địa phương nhằm tạo lập Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam và lưu trên hạ tầng lưu trữ tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.	Bộ Công an (C12)	Bộ Nội vụ Bộ, ngành, địa phương	Giải pháp số hóa tập trung được triển khai, tạo lập nguồn dữ liệu số chuẩn hóa, lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia và phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.	2027
13.	Xây dựng, triển khai các giải pháp xác thực văn bản, tài liệu của cơ quan, tổ chức được quản lý trên Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ; bảo đảm xác thực chữ ký số của người có thẩm	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Nội vụ Bộ Công an	Giải pháp xác thực văn bản, tài liệu được triển khai, bảo đảm xác thực chữ ký số, nguồn gốc, cơ quan ban	2027

	quyền, chữ ký số của cơ quan, tổ chức và các yếu tố xác thực khác theo quy định của pháp luật.			hành và trách nhiệm pháp lý của tài liệu số.	
14.	Xây dựng, triển khai các giải pháp bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn, khả năng kiểm chứng, giá trị pháp lý và xác thực lâu dài đối với tài liệu lưu trữ số; triển khai dịch vụ dấu thời gian điện tử và các giải pháp kỹ thuật phục vụ kiểm chứng tài liệu, dữ liệu được lưu trữ, cung cấp và khai thác trên Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Nội vụ Bộ Công an	Giải pháp xác thực lâu dài, dấu thời gian điện tử và kiểm chứng dữ liệu được triển khai, duy trì tính xác thực, toàn vẹn và giá trị chứng cứ của tài liệu lưu trữ số.	2027 - 2028
15.	Nghiên cứu, triển khai các giải pháp mật mã, công nghệ xác thực tiên tiến và các công nghệ phù hợp nhằm nâng cao khả năng xác thực, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ tính toàn vẹn của tài liệu lưu trữ số theo quy định của pháp luật.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Bộ Nội vụ Bộ Công an	Giải pháp mật mã, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ toàn vẹn dữ liệu được triển khai, tăng cường khả năng kiểm chứng và chống sửa đổi trái phép tài liệu lưu trữ số.	2027 - 2028
III	Xây dựng Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam				
16.	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng, quản lý và phát triển Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt nam.	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành, địa phương	Kế hoạch xây dựng, quản lý và phát triển Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam được ban hành, xác định rõ lộ trình,	2026

				trách nhiệm và sản phẩm dữ liệu cần đạt.	
17.	Hướng dẫn tiêu chí lựa chọn tài liệu lưu trữ ưu tiên số hóa; hướng dẫn tạo lập, chuẩn hóa, kiểm tra chất lượng dữ liệu trước khi cập nhật Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn rõ các chỉ lựa chọn tài liệu ưu tiên số hóa, quy trình tạo lập, chuẩn hóa, kiểm tra chất lượng dữ liệu, bảo đảm dữ liệu cập nhật vào Cơ sở dữ liệu đạt yêu cầu đúng - đủ - sạch - sống - toàn vẹn.	
18.	Hoàn thiện chính lý tài liệu giấy tồn đọng tại các bộ, ngành, địa phương.	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Hoàn thành 50% khối lượng công việc năm 2028; hoàn thành 100% khối lượng công việc năm 2030.	2026-2030
19.	Số hóa 100% tài liệu vĩnh viễn tại Lưu trữ lịch sử của Nhà nước.	Lưu trữ lịch sử của Nhà nước	Bộ Công an, Bộ Nội vụ		2026-2030
20.	Ban hành Danh mục tài liệu lưu trữ ưu tiên số hóa; số hóa 30-50% tài liệu vĩnh viễn và 10-20% tài liệu có thời hạn còn giá trị sử dụng cao tại các bộ, ngành, địa phương.	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an, Bộ Nội vụ	Tài liệu sau chính lý bảo đảm có dữ liệu đặc tả hồ sơ cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam. Tài liệu số hóa bảo đảm sẵn sàng tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.	2026-2030
21.	Chuẩn hóa, kiểm tra chất lượng, đóng gói dữ liệu tài liệu lưu trữ hình thành trong Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ, Bộ Công an	Dữ liệu tài liệu lưu trữ hình thành từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được chuẩn hóa, kiểm tra chất lượng, đóng gói, cập nhật vào Cơ sở	2027 - 2028

	liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam và chuyển giao để tiếp nhận, lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia.			dữ liệu và chuyển giao lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia.	
22.	Chuyển giao cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ hiện có thuộc Phong Lưu trữ nhà nước Việt Nam về lưu trữ trên hạ tầng của Trung tâm Dữ liệu quốc gia.	Bộ Nội vụ, Lưu trữ lịch sử của Nhà nước	Bộ Công an	Cơ sở dữ liệu được chuyển giao, lưu trữ tập trung, quản lý thống nhất và bảo đảm an toàn trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia.	2027 - 2028
23.	Hướng dẫn bộ, ngành, địa phương tạo lập, chuẩn hóa, kiểm tra chất lượng, cập nhật Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; cung cấp công cụ đóng gói dữ liệu để tiếp nhận vào Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ trước khi chuyển giao lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia.	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành, địa phương	Văn bản hướng dẫn và công cụ đóng gói dữ liệu được triển khai, bảo đảm bộ, ngành, địa phương tạo lập, cập nhật, chuyển giao dữ liệu thống nhất, đúng chuẩn.	2027
IV	Xây dựng hạ tầng số tập trung để vận hành Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ				
24.	Xây dựng hạ tầng công nghệ tập trung tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia.	Bộ Công an	Bộ Nội vụ	Phê duyệt Dự án năm 2027, hoàn thành năm 2028	2027
25.	Xây dựng hạ tầng lưu trữ dữ liệu quy mô lớn.	Bộ Công an	Bộ Nội vụ	Hạ tầng số tập trung tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia được xây dựng,	2028

26.	Xây dựng hạ tầng bảo đảm an ninh, an toàn và chủ quyền dữ liệu văn thư, lưu trữ.	Bộ Công an	Ban Cơ yếu Chính phủ	bảo đảm vận hành ổn định, an toàn, liên tục, lưu trữ lâu dài và bảo vệ chủ quyền dữ liệu của Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.	2028
27.	Xây dựng hạ tầng dự phòng và khôi phục thảm họa.	Bộ Công an	Các cơ quan liên quan		2028
28.	Xây dựng và triển khai các giải pháp sao lưu, phục hồi dữ liệu, bảo đảm tính liên tục hoạt động và khả năng phục hồi sau thảm họa đối với dữ liệu của Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.	Bộ Công an	Các cơ quan liên quan	Cơ chế sao lưu, phục hồi dữ liệu được triển khai, bảo đảm dữ liệu của Nền tảng có khả năng khôi phục, kiểm chứng và duy trì tính toàn vẹn.	2028
29.	Xây dựng hạ tầng khai phá thông minh thông tin từ tài liệu lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.	Bộ Công an	Bộ Nội vụ	Hạ tầng khai phá thông minh dữ liệu lưu trữ được xây dựng, tạo nền tảng ứng dụng AI, dữ liệu lớn, xử lý ngôn ngữ tự nhiên để tra cứu, phân tích, phát hiện và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ.	2028 - 2029
V	Giải pháp tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ				
30.	Nghiên cứu, xây dựng Đề án “Mô hình tổ chức bộ máy ngành văn thư, lưu trữ phù hợp yêu cầu quản trị dữ liệu và vận hành Nền tảng số quốc gia”.	Bộ Nội vụ	Văn phòng Chính phủ	Đề án mô hình tổ chức bộ máy ngành văn thư, lưu trữ được phê duyệt, hình thành mô hình quản trị dữ liệu và vận hành Nền tảng thống nhất từ trung ương đến địa phương.	2027

31.	Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực văn thư, lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.	Bộ Nội vụ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn thư, lưu trữ số được ban hành và triển khai, nâng cao năng lực quản trị dữ liệu, lưu trữ số và vận hành Nền tảng.	2028
32.	Tổ chức, xây dựng, củng cố đơn vị thực hiện văn thư, lưu trữ tại bộ, ngành, địa phương theo định hướng của Đề án.	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Đơn vị thực hiện văn thư, lưu trữ tại bộ, ngành, địa phương được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu, dữ liệu và phối hợp vận hành Nền tảng.	2028
33.	Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo các ngành văn thư, lưu trữ, quản trị văn phòng và các ngành liên quan theo định hướng chuyển đổi số.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở đào tạo	Chương trình đào tạo các ngành văn thư, lưu trữ, quản trị văn phòng được cập nhật theo định hướng chuyển đổi số, bổ sung nội dung quản trị dữ liệu, lưu trữ số và an toàn thông tin.	2028
34.	Xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo về lưu trữ số, quản trị dữ liệu, quản trị siêu dữ liệu, bảo quản số dài hạn và khai thác dữ liệu lưu trữ.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở đào tạo	Các chương trình đào tạo chuyên sâu về lưu trữ số, quản trị dữ liệu, siêu dữ liệu, bảo quản số dài hạn và khai phá dữ liệu lưu trữ thông minh được xây dựng.	2028
35.	Thúc đẩy hình thành các chương trình đào tạo liên ngành giữa văn thư, lưu trữ với công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở đào tạo	Chương trình đào tạo liên ngành giữa văn thư, lưu trữ với công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo được hình thành.	2028

VI	Nhiệm vụ và giải pháp khác				
36.	Xây dựng, triển khai thực hiện Dự án “Lưu trữ dự phòng Phong Lưu trữ Nhà nước Việt Nam”.	Bộ Nội vụ	Bộ Công an, Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương	Dự án được triển khai, hình thành năng lực bảo vệ, sao lưu, phục hồi và bảo toàn tài liệu lưu trữ đặc biệt quan trọng.	2026-2030
37.	Xây dựng, triển khai thực hiện Dự án “Tăng cường phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong môi trường số”.	Bộ Nội vụ	Bộ, ngành, địa phương	Dự án được triển khai, hình thành các dịch vụ khai thác, công bố, giới thiệu, giáo dục, nghiên cứu và truyền thông dựa trên dữ liệu lưu trữ.	2026-2030
38.	Nghiên cứu giải pháp quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ trên Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.	Bộ Nội vụ	Bộ Công an	Giải pháp quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ trên Nền tảng được ban hành, bảo đảm hoạt động dịch vụ được giám sát, truy vết, minh bạch và tuân thủ quy định.	2028
39.	Xây dựng tiêu chí, phương pháp đánh giá việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ phục vụ công tác đánh giá cải cách hành chính theo quy định.	Bộ Nội vụ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chí, phương pháp đánh giá được ban hành hoặc hướng dẫn áp dụng theo quy định.	2029
40.	Hướng dẫn áp dụng kiến trúc Chính phủ số, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định chung về nền tảng số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an	Hướng dẫn áp dụng kiến trúc Chính phủ số, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định chung về nền	2027

	dùng chung quốc gia phục vụ xây dựng, phát triển Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.			tảng số dùng chung quốc gia được ban hành, làm cơ sở triển khai thống nhất Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.	
41.	Xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn dữ liệu và siêu dữ liệu phục vụ quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu trên các Nền tảng số dùng chung.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn dữ liệu và siêu dữ liệu trên các Nền tảng số dùng chung được hoàn thiện, làm căn cứ triển khai Nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ.	2027 - 2028
42.	Xây dựng, triển khai giải pháp đo lường, đánh giá trực tuyến việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; phối hợp xác định tiêu chí, phương pháp đánh giá phục vụ công tác đánh giá cải cách hành chính theo quy định.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ	Giải pháp đo lường, đánh giá trực tuyến việc xây dựng, cập nhật Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ được đưa vào vận hành, phục vụ theo dõi tiến độ thực hiện Đề án và đánh giá chỉ số cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương.	2029
43.	Xây dựng kế hoạch, chương trình, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao trong Đề án.	Bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ, Bộ Công an	Kế hoạch, chương trình, kinh phí và báo cáo thực hiện Đề án của bộ, ngành, địa phương được ban hành, bảo đảm triển khai đồng bộ, có sản phẩm, tiến độ và trách nhiệm cụ thể.	2027 - 2030
44.	Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực.	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và	Bộ Nội vụ	Kế hoạch triển khai Đề án và báo cáo kết quả thực hiện của từng cơ quan được ban hành, bảo đảm phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực và	2027 - 2030

		các cơ quan trung ương có cơ sở dữ liệu chuyên ngành		yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Đề án.	
45.	Bố trí nguồn kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	Bộ Tài chính	Bộ, ngành, địa phương	Nguồn kinh phí thực hiện Đề án được bố trí, quản lý và sử dụng theo quy định.	2026 - 2030
46.	Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; định kỳ tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.	Bộ Nội vụ	Bộ Công an	Báo cáo kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án được thực hiện định kỳ, làm căn cứ điều chỉnh nhiệm vụ, tháo gỡ vướng mắc và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	2027 – 2030